TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 481/2025/DS-PT
Ngày: 21-8-2025
V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.
Các Thẩm phán: Bà Đào Thị Thủy.
Ông Nguyễn Hữu Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc – Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên toà.

Ngày 21 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLPT-DS ngày 10 tháng 4 năm 2025 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 465/2025/QĐPT-DS ngày 22 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Hồ Chí V, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã P, thành phố Cần Thơ, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:

- Ông Trần Thanh P – Văn phòng Luật sư Trần Thanh P – Đoàn Luật sư thành phố C, có mặt.

- Bà Nguyễn Ngọc T – Văn phòng Luật sư Trần Thanh P – Đoàn Luật sư thành phố C, có mặt.

Cùng địa chỉ: Số A T, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Nay là phường T, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Chí N, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã P, thành phố Cần Thơ, xin vắng mặt.

2.2. Ông Hồ Văn T1, sinh năm 1952.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Hùng C.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã P, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Hồ Cáp T2, sinh năm 1984.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã P, thành phố Cần Thơ.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Bào Tấn Đ.

Địa chỉ: Số A, ấp X, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã P, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

3.2. Bà Tô Thị T3, sinh năm 1966.

3.3. Ông Hồ Chí T4, sinh năm 1987.

3.4. Bà Hồ Thị Kiều T5, sinh năm 1990.

Đại diện theo ủy quyền của bà T3, ông T4, bà T5: Ông Hồ Chí V.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã P, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3.5. Ông Hồ Hùng C.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã P, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3.6. Ủy ban nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã P, thành phố Cần Thơ.

Địa chỉ: Ấp P, Xã P, thành phố Cần Thơ, vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Ông Hồ Văn T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Hồ Chí V trình bày: Về nguồn gốc phần đất tranh chấp ông được bà nội là bà Nguyễn Thị Kim T6 cho cha ruột ông là Hồ Thanh B và mẹ là Lê Thị Đ1 diện tích đất 8.000m^2 đất tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang vào năm 1986.

Sau đó, bà Lê Thị Đ1 có cho ông Hồ Chí V diện tích đất 5.000m^2 và anh ruột là Hồ Chí N diện tích đất 3.000m^2 các bên đã canh tác ổn định. Năm 1989, bị đơn là ông Hồ Chí N mới chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất lại cho ông là 3.000m^2 nhưng không có làm văn bản. Khi nhận chuyển nhượng đất từ ông N thì ông mới đem giấy tờ ra địa chính để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và được cấp giấy chứng nhận đất năm 1991 diện tích đất 8.000m^2 thuộc thửa 613, tờ bản đồ số 01.

Đến năm 1996, ông cầm cố toàn bộ diện tích này cho ông N với giá 25 chỉ vàng 24k, trong thời hạn 03 năm. Trong thời hạn này nếu ông không có khả năng chuộc lại thì ông N tiếp tục canh tác, không có giao đứt, không tính lãi. Trong thời gian này, ông có nhận chuyển nhượng thêm diện tích đất của ông Hồ Văn S diện tích 267m^2 vào năm 1989 nên tổng diện tích đất 8.267m^2. Năm 1998, ông mới biết toàn bộ diện tích đất đã cố cho ông N đã được chuyển nhượng cho ông Hồ Văn T1. Khi ông biết được sự việc và có ngăn cản nhưng vẫn thực hiện chuyển nhượng cho ông Hồ Văn T1. Ông không có nộp đơn ngăn cản việc chuyển nhượng của các bên. Diện tích đất đang tranh chấp hiện nay do con của ông Hồ Văn T1 là ông Hồ Hùng C trực tiếp canh tác trồng lúa nước, đối với diện tích đất đang tranh chấp ông nhiều lần yêu cầu bị đơn ông N trả lại đất nhưng ông N không thực hiện.

Nay ông yêu cầu vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với ông Hồ Cấp T7 và ông Hồ Văn T1; Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hồ Cáp T2. Buộc trả lại toàn bộ diện tích đất theo kết quả thẩm định tại chỗ diện tích đất 8007.8m^2 đất tọa lạc ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang; Kiến nghị Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P điều chỉnh biến động theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông. Đối với diện tích đất mà ông đã nhận chuyển nhượng của ông Hồ Văn S thì không yêu cầu trong vụ án này.

Bị đơn ông Hồ Chí N trình bày: Theo bản tự khai đề ngày 29/10/2017 của bị đơn ông Hồ Chí N cho rằng năm 1996 ông thừa nhận có nhận cố đất của nguyên đơn ông Hồ Chí V với diện tích đất 8.267m^2 với giá 25 chỉ vàng 24K thời hạn 03 năm nếu hết thời hạn ông V không có khả năng chuộc thì ông vẫn tiếp tục canh tác. Năm 1998 ông thông báo cho ông V hay để chuộc lại nhưng ông V không có khả năng nên mới cố lại cho ông Hồ Văn T1 với giá 25 chỉ vàng 24k, theo ý kiến của ông T1 là làm giấy nhận chuyển nhượng đất cho ông T1 mới cố đất nên ông đã tự ý tiến hành ký tên để chuyển nhượng đất cho ông Hồ Văn T1 phần đất mà ông đã nhận cố của ông V. Trong văn bản tường trình ngày 19/3/2024 ông khai không có nhận cầm cố đất của ông V mà do ông V tự ý ký tên chuyển nhượng đất cho ông T1 và ông không có yêu cầu gì thêm trong vụ án này.

Ông Hồ Hùng C đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Hồ Văn T1 trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp là do bà nội ông là bà Nguyễn Thị Kim T6 cho ông Hồ Chí V và Hồ Chí N với diện tích 8.000m^2 cho mỗi người một nửa tức là 4.000m^2 thời gian sau ông V mới chuyển nhượng lại cho Hồ Chí N vào thời gian không nhớ với giá 25 chỉ vàng 24k. Sau đó, ông V mới đề nghị ông N chuyển nhượng 25 chỉ vàng 24k nhưng ông N không bán mà chuyển nhượng cho ông Hồ Văn T1 giá 25 chỉ vàng 24k và ông T1 chuyển nhượng lại cho ông Hồ Cáp T2 (cho). Hiện nay diện tích đất đang tranh chấp ông Hồ Văn T1 đứng tên diện tích 8.267m^2 và khi đo đạc thực tế thì diện tích còn lại là 8007.8m^2, ông thống nhất với kết quả này và không thống nhất toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Chí V, ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm trong vụ án này.

Ông Bào Tấn Đ đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Hồ Cáp T2 trình bày: Ông thống nhất với nội dung trình bày của ông Hồ Hùng C là người đại diện cho ông Hồ Văn T1 và không thống nhất với nội dung khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Chí V.

Tại phiên tòa ngày 23/10/2024 ông Bào Tấn Đ trình bày: Nguồn gốc đất đang tranh chấp ông Hồ Cáp T2 có được từ việc ông Hồ Cáp T2 nhận chuyển nhượng đất của ông Hồ Chí V năm 2000 với giá 25 chỉ vàng 24k và ông T2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đúng quy định đến nay không có chuyển nhượng cho ai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hồ Hùng C trình bày: Toàn bộ phần đất đang tranh chấp hiện nay ông là người trực tiếp canh tác trồng lúa nước, cha ông là ông Hồ Văn T1 có cho ông canh tác cũng như lập văn bản cho nhưng ông không cung cấp được cho Tòa án. Nay ông yêu cầu giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Hồ Cáp T2 chỉnh lý chuyển nhượng đứng tên ông Hồ Văn T1 và không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ chí V.

Tại phiên tòa ông trình bày hiện nay diện tích đất tranh chấp đã chuyển nhượng cho ông đứng tên nhưng ông không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện P trình bày: Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Văn T1 tại thửa 742, tờ bản đồ số 1 với diện tích 8.267m^2 loại đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PH-0225 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 10/11/2003 cho hộ ông Hồ Cáp T2 tặng cho ông Hồ Văn T1 là đúng quy định của pháp luật.

Tại bản án sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 06 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện huyện P, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Cần Thơ tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Chí V.

Tuyên vô hiệu tờ sang đất ruộng lập ngày 9/6/2000 giữa ông Hồ Chí V, bà Tô Thị T8 và ông Hồ Cáp T2.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 742, tờ bản đồ số 1 với diện tích 8.267m^2 (đo đạc thực tế 8007.8m^2) loại đất lúa theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số PH-0225 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 10/11/2003 cho hộ ông Hồ Cáp T2.

2. Công nhận hộ ông Hồ Chí V có toàn quyền theo quy định của pháp luật đất đai đối với thửa đất thửa 742, tờ bản đồ số 1, số PH-0225 do Ủy ban nhân dân huyện P cấp ngày 10/11/2003, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để lập thủ tục kê khai, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; điều chỉnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

Trường hợp bên phải thi hành án không giao nộp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bên được thi hành án được quyền yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh, thu hồi, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (hoặc một phần diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp).

3. Ông Hồ Hùng C là người đang trực tiếp sử dụng trái pháp luật nên có nghĩa vụ giao lại cho ông Hồ Chí V đất thửa 742, tờ bản đồ số 1 số PH-0225 do Ủy

ban nhân dân huyện P cấp ngày 10/11/2003, đất tọa lạc tại ấp P, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang theo kết quả đo thực tế 8007.8m^2.

Kèm theo mảnh trích đo địa chính số 09-2018 do Công ty trách nhiệm hữu hạn X chi nhánh H lập ngày 08/02/2018.

4. Đối với hợp đồng cố quyền sử dụng đất các đương sự không có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên Hội đồng xét xử dành quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, bị đơn ông Hồ Văn T1 có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Chí V, công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 8.007,8m^2 tại thửa 742 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Hồ Hùng C.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của bị đơn ông Hồ Văn T1 cho rằng, ông T1 mua đất của ông N, bởi ông V đã bán đất này cho ông N, ông V có ký tên chuyển nhượng đất cho ông Hồ Cấp T7, ông T7 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Hùng C.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn cho rằng: Tại phiên tòa bị đơn thừa nhận mua đất của ông N không phải mua của ông V, nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn T1, hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự này không có kháng cáo, đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Hồ Chí N có văn bản xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn ông Hồ Văn T1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3]. Đối với kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về nguồn gốc phần đất tranh chấp có diện tích 8.007,8m^2 tại thửa 742 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hồ Cấp T7 năm 2003 được chỉnh lý trang tư sang tên tặng cho ông Hồ Văn T1 vào năm 2009, trước đây năm 1991 do ông Hồ Chí V đứng tên giấy do được cha mẹ là Hồ Thanh B, Lê Thị Đ1 tặng cho ông 5.000m^2 cho ông Hồ Chí N 3.000m^2, năm 1989 ông N chuyển nhượng cho ông

Hồ Chí V 3.000m^2, đến năm 1991 ông V được cấp giấy chứng nhận tổng diện tích 8.000m^2 thuộc thửa 613, năm 1996 ông V cố toàn bộ diện tích đất này cho ông N với giá 25 chỉ vàng 24k, thời hạn cố 3 năm chuộc.

Năm 1998, ông V biết ông N chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất của ông cho ông Hồ Văn T1, hiện tại đất này do ông Hồ Hùng C (con ruột ông T1 đang canh tác).

Quá trình giải quyết vụ án, ông Hồ Chí N thừa nhận ông có cố đất của ông V và giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông V, sau thời gian cố đất thì ông có kêu ông V chuộc đất, nhưng ông V không có tiền chuộc, nên ông cố đất lại cho ông T1 với giá 25 chỉ vàng 24k, sau đó ông T1 yêu cầu làm giấy chuyển nhượng đất và ông có ký tên chuyển nhượng đất này cho ông T1.

Xét thấy, tờ sang đất ruộng được lập ngày 9/6/2000 giữa vợ chồng ông Hồ Chí V, bà Tô Thị T8 với ông Hồ Cấp T7, căn cứ kết luận giám định chữ ký xác định không đủ cơ sở kết luận chữ ký của ông V, bà T8. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm (BL361) đại diện ủy quyền của ông Hồ Văn T1 là ông Hồ Hùng C xác định phần đất đang tranh chấp ông T1 mua của ông N với giá 25 chỉ vàng, ông T1 đồng ý trả lại cho ông V, nhưng ông V phải trả giá trị với số tiền là 832.110.000 đồng.

Xét thấy, phần đất này thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông V, việc ông N tự ý chuyển nhượng cho ông T1 (giấy chuyển nhượng cho ông Hồ Cấp T7 con ruột ông T1) khi chưa được sự đồng ý của ông V là chủ sử dụng hợp pháp, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố tờ sang đất ruộng lập ngày 9/6/2000 giữa ông Hồ Chí V, bà Tô Thị T8 với ông Hồ Cấp T7 vô hiệu là có căn cứ, buộc ông C là người đang quản lý đất trả đất lại cho ông V là đúng, nhưng không giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, tức không tuyên buộc ông N trả lại 25 chỉ vàng cho ông T1 là chưa giải quyết triệt để vụ án và không tuân thủ quy định tại khoản 2 Điều 131 Bộ luật dân sự. Việc cấp sơ thẩm tuyên tách giao dịch cố đất ra giải quyết thành vụ kiện khác do các đương sự không yêu cầu chỉ điều chỉnh quan hệ giữa ông V và ông N, còn giao dịch giữa ông N và ông T1 là giao dịch chuyển chuyển nhượng quyền sử dụng đất, do vậy với sai sót này của cấp sơ thẩm, cấp phúc thẩm không khắc phục được.

Mặt khác, Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 742 do ông Hồ Cấp T7 đứng tên được chỉnh lý trang tư qua cho ông Hồ Văn T1. Căn cứ khoản 4 Điều 34 Bộ luật tố tụng dân sự, quy định thẩm quyền hủy quyết định cá biệt tại Điều 31 Luật tố tụng hành chính là Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Việc Tòa án nhân dân huyện P (nay là Tòa án nhân dân khu vực 13 – thành phố Cần Thơ) tuyên hủy quyết định cá biệt là không đúng thẩm quyền tại thời điểm xét xử sơ thẩm, tuy nhiên tại thời điểm xét xử phúc thẩm Luật đã có sự thay đổi về thẩm quyền xét xử của Tòa án khu vực theo Luật tố tụng hành chính sửa đổi, cấp sơ thẩm có quyền hủy quyết định hành chính, hành vi hành chính của Ủy ban nhân dân cấp huyện, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải hủy nội dung này, vì không làm thay đổi nội dung giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Hồ Hùng C cung cấp cho Hội đồng xét xử giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 0589 cấp cho ông Hồ Văn T1 đứng tên thửa đất đang tranh cấp, do Ủy ban nhân dân huyện P cấp năm 2011 và được chỉnh lý trang tư qua tên ông Hồ Hùng C vào năm 2022, đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn phúc thẩm không có lỗi của cấp sơ thẩm, do vậy khi xét xử lại vụ án cấp sơ thẩm cần xem xét tính hợp pháp của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Hồ Văn T1 vào năm 2011 là quyết định hành chính cá biệt.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn T1 là không có căn cứ chấp nhận. Chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, hủy bản án dân sự sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo quy định.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: ông Hồ Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội khoá 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Hồ Văn T1.

2. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 32/2025/DS-ST ngày 06/3/2025 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Hậu Giang. Nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ. Giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân khu vực 13, thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục sơ thẩm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm, chi phí tố tụng: Nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng được xác định lại khi giải quyết vụ án lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Hồ Văn T1 là người cao tuổi nên được miễn theo quy định.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 21 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV– Cần Thơ;
- Phòng THADS KV– Cần Thơ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Bích Hạnh